

QUYẾT ĐỊNH

**Về quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non
và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2014/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1012/TTr-SGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2014 về việc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, như sau:

1. Mức thu học phí:

1.1. Mức thu học phí đối với địa bàn các phường và thị trấn		
a)	Mẫu giáo một buổi	50.000 đồng/tháng/cháu
b)	Nhà trẻ, mẫu giáo bán trú	75.000 đồng/tháng/cháu
c)	Trung học cơ sở	50.000 đồng/tháng/học sinh
d)	Trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông	75.000 đồng/tháng/học sinh




1.2. Mức thu học phí đối với địa bàn xã		
a)	Mẫu giáo một buổi	25.000 đồng/tháng/cháu
b)	Nhà trẻ, mẫu giáo bán trú	35.000 đồng/tháng/cháu
c)	Trung học cơ sở	25.000 đồng/tháng/học sinh
d)	Trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông	40.000 đồng/tháng/học sinh

2. Tổ chức thu học phí: Giáo dục mầm non thu theo tháng thực học. Giáo dục phổ thông mỗi năm thu học phí 9 tháng, gồm: Học kỳ I thu 5 tháng, học kỳ II thu 4 tháng.

3. Các quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tổ chức thu và sử dụng học phí: Thực hiện theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015; Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 và các quy định hiện hành.

Điều 2. Giao cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2010-2011 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Bộ GD&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- TV. UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTQVN tỉnh KG;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, ldlinh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Thi